

MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY TỪ Ở VĂN BẢN NGHỆ THUẬT TRONG PHÂN MÔN TẬP ĐỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Đặng Phan Quỳnh Dao

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: giaodpq@tdmu.edu.vn

Tóm tắt: Trong chương trình tiểu học, tập đọc là một phân môn có vị trí quan trọng vì nó hình thành và phát triển cho trẻ kĩ năng đọc, hiểu, nghe, viết. Để học tốt phân môn này, việc hiểu nghĩa từ là vấn đề then chốt quyết định đến khả năng giao tiếp trong việc dùng từ, đặt câu, hiểu văn bản.... nhất là văn bản nghệ thuật (VBNT). Từ lý do đó, bài viết tập trung vào một số biện pháp dạy từ mới kết hợp giải nghĩa từ khó giúp giáo viên và HS trong việc dạy, học phân môn tập đọc tốt hơn, đạt kết quả để ra trong giáo dục.

Từ khóa: Biện pháp dạy từ, tập đọc, phương pháp dạy học.

Nhận bài: 10/06/2021; **Phản biện:** 14/06/2021; **Duyệt đăng:** 18/06/2021.

1. Đặt vấn đề

Tập đọc là một phân môn có vị trí đặc biệt trong chương trình vì nó đảm nhiệm việc hình thành và phát triển cho trẻ kĩ năng đọc, một kĩ năng quan trọng hàng đầu của trẻ ở bậc học đầu tiên trong trường phổ thông. Từ là đơn vị trung tâm của ngôn ngữ. Chính vì vậy, dạy từ trong giờ Tập đọc là một việc làm quan trọng. Chúng tôi chọn vấn đề dạy từ trong các bài Tập đọc để nghiên cứu. Ngoài mục đích để hiểu văn bản được đọc, việc dạy từ trong các bài Tập đọc còn làm giàu vốn từ cho HS, đồng thời còn rèn luyện được cho HS phương pháp phân tích ngôn ngữ, nhất là phân tích ngôn ngữ nghệ thuật. Bài viết hướng tới mục đích góp phần vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả trong dạy học tiếng Việt nói chung và phương pháp dạy từ trong giờ Tập ở các văn bản thuộc phong cách nghệ thuật nói riêng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở ngôn ngữ học và văn học của việc dạy từ trong VBNT cho HS tiểu học

2.1.1. Về nghĩa của từ

- Bản chất tín hiệu ngôn ngữ của từ

Khi dạy về từ nói chung và dạy nghĩa của từ nói riêng cần chú ý rằng từ là đơn vị trung tâm trong ngôn ngữ, “từ là đơn vị thường trực trong đầu óc của chúng ta với tư cách là một đơn vị trung tâm trong toàn bộ hệ thống ngôn ngữ” vì chỉ có từ mới đầy đủ tư cách là một tín hiệu, ta tiếp nhận được về cảm giác về ý nghĩa của nó, cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Cái biểu đạt chính là hình thức âm thanh, là vỏ vật chất của từ. Cái được biểu đạt là nội dung ý nghĩa mà vỏ âm thanh chứa đựng. Hai

mặt này quan hệ mật thiết với nhau, không thể nói mặt nào quan trọng hơn mặt nào, vì “tín hiệu ngôn ngữ được đặc trưng bởi sự gắn bó quy định lẫn nhau giữa ngoại biểu và nội dung” [2, tr88], “tình trạng “như hai mặt của một tờ giấy” của cái biểu hiện và cái được biểu hiện ngôn ngữ mà Saussure đã nhận xét là hiển nhiên” [2, tr.89].

Âm thanh là vỏ vật chất của từ, vỏ âm thanh không trực tiếp tạo thành ý nghĩa của từ nhưng lại rất quan trọng vì không có nó thì không tồn tại được và nghĩa cũng không thể có được. Nhờ có vỏ âm thanh, nội dung muốn diễn đạt mới được thể hiện và mới được truyền đạt cho người khác. Ngược lại, nghĩa của từ là nội dung của âm, nếu không có nội dung thì âm chỉ là cái “vỏ” mà thôi.

Từ bản chất hai mặt của tín hiệu, từ đặc điểm ngữ âm của từ tiếng Việt, ta thấy rằng: khi dạy từ, đặc biệt là dạy nghĩa từ thì phải dạy cho HS nắm được âm, tương ứng với nắm nghĩa, vì nghĩa nằm trong âm, âm thể hiện nghĩa.

- Nghĩa của từ là một cấu trúc

Ý nghĩa của từ cũng như từ là những vấn đề rất phức tạp, không thể nhận diện và hiểu nó một cách dễ dàng được. Ý nghĩa của từ vừa là cái riêng cho từng từ, vừa là cái chung cho những từ cùng loại. Nắm được cái chung, cả cái riêng trong ý nghĩa thì mới thực sự hiểu từ, thực sự hiểu được cái nội dung tinh tế mà từ biểu thị.

Ý nghĩa của từ gồm có ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp. Tuy vậy, hai loại nghĩa này gắn bó thành một chỉnh thể. Mặc dù ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp thuộc hai ngành nghiên cứu khác nhau, nhưng khi dạy từ, nhất là dạy nghĩa của từ, không thể không chú ý đến nghĩa ngữ pháp. Có lưu ý đến ý nghĩa ngữ pháp thì mới

có cơ sở rèn luyện kỹ năng sắp xếp và kết hợp các từ thành câu cho HS.

Trong ý nghĩa của từ bao gồm ba thành phần ý nghĩa đó là: nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm và nghĩa biểu thái. Ba thành phần nghĩa này tạo thành cấu trúc nghĩa từ vựng của từ. Đây chính là cơ sở để khi dạy nghĩa của từ trong văn cảnh, phải xác định xem nghĩa của từ đó là nét nghĩa nào để hiểu đúng nội dung và tư tưởng mà tác giả phản ánh.

2.1.2. Từ trong văn cảnh VBNT

VBNT cũng như mọi văn bản khác, tự nó là một chỉnh thể có tính hệ thống, trong đó các yếu tố gắn bó qua lại để cùng thực hiện ý đồ chung. Và như vậy VBNT cũng là một văn cảnh của từ, được từ liên kết tạo thành. Ý nghĩa của từ trong VBNT cũng mang đặc điểm như từ trong văn cảnh nói chung.

Song, VBNT là một văn cảnh đặc biệt, bản thân hình thức và nội dung của văn bản mang dấu ấn sáng tạo của cá nhân nhà văn. Bản thân VBNT xây dựng bằng các hình tượng nghệ thuật thông qua hình tượng ngôn ngữ. Trong các phương tiện, ngôn ngữ là chất liệu xây dựng nên nghệ thuật ngôn từ. Và hình tượng nghệ thuật này trong sự tiếp nhận của người đọc phụ thuộc vào sự sáng tạo, chủ quan cá nhân của họ. Chính những điều này tạo nên sự phong phú, ẩn tàng tiềm năng nghệ thuật trong cảm nhận của người đọc. Để xác định cơ sở cho dạy nghĩa của từ trong VBNT ở giờ tập đọc, rất cần có sự xem xét cụ thể đặc trưng của ngôn từ và vị trí của từ trong VBNT.

2.2. Một số biện pháp dạy từ trong VBNT ở phân môn Tập đọc

Dạy từ trong phân môn Tập đọc khác với phân môn Từ ngữ. Đây là một bước của quá trình đọc hiểu nhằm giúp HS thông hiểu nội dung văn bản, phục vụ cho kỹ năng đọc tốt hơn. Từ để dạy là từ trong ngữ cảnh, cụ thể, sinh động và hiện thực hoá hơn nghĩa của từ trong hệ thống ngôn ngữ. Đó là dạy tìm hiểu các từ HS chưa hiểu trong văn bản, những từ có nghĩa biến đổi so với nghĩa ban đầu, có sự cộng hưởng giữa các từ ngữ tạo nên nghĩa của từ. Dạy từ trong VBNT của giờ Tập đọc cho HS lớp 5 dựa trên cơ sở của dạy từ trong VBNT và mục đích của giờ Tập đọc là dạy nghĩa của từ, giá trị của từ trong văn bản nhằm giúp HS hiểu văn bản phục vụ kỹ năng đọc tốt hơn.

Dạy từ trong giờ Tập đọc các VBNT đã giúp HS hiểu nghĩa từ, nhận thấy cái hay cái đẹp trong cách sử dụng từ nhằm hiểu văn bản một cách chính xác. Nhưng không có nghĩa là dạy từ trong các giờ tập đọc VBNT giống như dạy giảng văn ở các cấp học trên. Ở tiểu học, dạy từ trong giờ Tập đọc, ngoài việc cho HS hiểu

giá trị của từ còn đề cao việc hình thành các kỹ năng phát hiện từ, kỹ năng giải nghĩa từ chứ không phải đi sâu vào giảng từ đó. Sau đây là một số các phương pháp dạy khác nhau được tiến hành trong quá trình dạy từ của giờ Tập đọc các VBNT.

2.2.1. Dạy từ mới và kết hợp giải nghĩa từ ở VBNT trong giờ Tập đọc

Từ mới là yếu tố thông tin mới, khi người đọc biết được trong văn bản đâu là từ mới nghĩa là người đọc đã chú ý thông tin mới của văn bản.

Từ mới trong VBNT mà giờ Tập đọc thể hiện là những từ mà HS gặp lần đầu, những từ được tác giả mở rộng giới hạn nghĩa, những cụm từ cố định (thành ngữ, quán ngữ...). Tuy nhiên, không phải là tất cả các từ mới hoặc các từ chưa biết nghĩa trong văn bản đều có vai trò giống nhau trong nội dung hiểu văn bản. Trong số những từ đó, có một số từ quan trọng nếu không biết nghĩa của nó thì HS khó có thể hiểu đúng, hiểu chính xác văn bản. Các thao tác cần làm ở phần phát hiện từ mới là:

- Đọc to hoặc đọc thầm toàn bài (đọc tất cả các tiếng, các từ có trong văn bản).

- Ghi dấu vào các từ HS chưa hiểu, chưa biết nghĩa trong từng câu dựa vào việc loại đi những từ đã biết nghĩa.

- Chọn và đánh dấu những từ quan trọng trong số những từ chưa biết nghĩa đã tìm được.

Phần kỹ năng (thao tác) này mới chỉ nhằm phát hiện ra từ mới chứ chưa giải nghĩa từ mới. Vì vậy, cần lưu ý sẽ có sự khác nhau trong mức độ thực hiện các thao tác ở các lớp. HS lớp 4 có thể thực hiện được gợi ý hành động khi thực hiện thao tác này, nhưng với HS lớp 5, nên yêu cầu HS tự tìm mà phát hiện từ mà bản thân mình chưa hiểu hoặc chưa rõ nghĩa trong bài. Đây chính là nhóm kỹ năng nhận diện từ mới, phát hiện từ mới nằm trong nhóm kỹ năng nhận diện ngôn ngữ của văn bản.

Khi tiến hành giải nghĩa từ mới cho HS trong VBNT cần thấy rằng: dạy từ là công việc đầu tiên và cần thiết cho vấn đề dạy đọc hiểu ở tiểu học, mà dạy từ bắt đầu bằng việc hiểu nghĩa từ. Việc giải nghĩa của các từ ngữ mà HS không hiểu là một việc cần thiết. Công việc này tiến hành cụ thể phụ thuộc vào đặc trưng của văn bản, đối tượng HS. HS thành phố, HS nông thôn, HS miền Bắc - Trung - Nam sẽ có những yêu cầu khác nhau trong giải nghĩa các từ của văn bản tập đọc. Ví dụ: từ "cá cờ" trong bài *Hạt gạo làng ta*; từ "cháo bẹ", "măng tre" trong bài *Thăm cô Bác xưa*; từ "chăn sui", "sắn nướng" trong bài *Việt Bắc*, v.v.

Với từng đối tượng HS, đòi hỏi ngay bước đầu tiên giáo viên phải xác định, dự kiến những nhu cầu hiểu biết từ mình cần hiểu, HS cần hiểu để chủ động giải

mã bất kì từ nào trong văn bản dạy. Muốn dạy tốt, mỗi giáo viên cần trang bị cho mình một vốn kiến thức, vốn hiểu biết về tiếng mẹ đẻ, vốn từ địa phương. Điều quan trọng là giáo viên tập hợp, lựa chọn từ giải thích sao cho phù hợp với yêu cầu chung của bài, khả năng nhận thức, nhu cầu cần hiểu của HS về từ. Những từ được giải thích trong bài khi HS đã đưa ra, giáo viên cần chọn những từ đảm bảo những điều kiện.

- Từ mà phần lớn HS không hiểu và có nhu cầu cần hiểu.

- Trong các từ HS yêu cầu giải nghĩa, giáo viên phải lựa chọn, sàng lọc những từ có liên quan thiết thực đến nội dung cần hiểu của bài để giải thích chứ không phải giải thích tất cả các từ theo yêu cầu HS.

Quá trình giáo viên thực hiện yêu cầu trên đã giúp HS có kĩ năng phát hiện từ mới, những từ mà chúng không hiểu nghĩa và từ đó gắn với nội dung bài - Một kĩ năng được hình thành trong quá trình làm việc với văn bản của HS.

Sau khi lựa chọn những từ cần giải nghĩa, nếu các từ đó đã có trong phần chú giải thì giáo viên yêu cầu HS đọc lại, nếu là từ quan trọng có liên quan đến phần tìm hiểu nội dung của bài thì để phần sau giải nghĩa luôn. Còn lại các từ cần giải nghĩa, ta có thể giải nghĩa bằng từ điển, quan sát vật thật, tranh ảnh...

2.2.2. Dạy từ cần phải dựa vào đặc điểm sử dụng từ ở VBNT trong giờ Tập đọc để dạy

Đây chính là yêu cầu trọng tâm của việc dạy từ trong giờ Tập đọc. Nếu làm tốt phần yêu cầu này thì ta đã thực hiện giải nghĩa những từ cần thiết, quan trọng và giúp HS hiểu nội dung bài. Tâm lí học ngôn ngữ cũng đã chỉ rõ: để nhớ và hiểu những gì đọc được với một văn bản không phải xem xét tất cả các từ ngữ trong văn bản như nhau mà cần giữ lại những từ quan trọng, những nhóm từ mang ý nghĩa cơ bản, từ có vấn đề. Văn chương gọi những từ đó là những từ "thần" hay những "nhân tự" mà nhà văn, nhà thơ đã dày công tìm kiếm diễn đạt của nội dung tác phẩm. Những từ "đắt", từ có giá trị nghệ thuật của tác phẩm văn chương giúp chúng ta tìm thấy nét độc đáo của tác phẩm trong việc thể hiện, văn cảnh (VBNT) sẽ là yếu tố thuyết minh cho giá trị của từ, cho vẻ đẹp của ngôn từ.

Ở chương trình Tập đọc, mỗi bài Tập đọc là thể loại văn chương là một tác phẩm chứa đựng tính sáng tạo, lối cảm, lối nghĩ và cách sử dụng từ của mỗi nhà văn. Chính đặc điểm riêng biệt này đã tạo nên giá trị nội dung và hình thức khác biệt của từng bài. Có những bài phải đi sâu vào dạy một từ "đắt"; có những bài phải dựa vào cả một hệ thống từ (dạy một trường từ) để khai thác nét đặc trưng của ngôn từ biểu hiện trong từ và cũng có khi

ta kết hợp cả dạy từ quan trọng và dạy hệ thống từ.. Có thể nói, đây là một sự vận dụng đa dạng, linh hoạt khi tiến hành các phương pháp dạy từ.

Thực tế cho thấy, trong các bài Tập đọc, có nhiều từ đưa ra giải nghĩa mà sách, tài liệu hướng dẫn và cả giáo viên thực hiện trong giờ, lại không phải là từ quan trọng, từ "đắt", cho nên, nội dung cơ bản của bài không được khai thác một cách triệt để. Do đó, việc cần lựa chọn từ đúng và vận dụng các phương pháp giải nghĩa các từ phù hợp thì sẽ giúp HS hiểu nội dung của bài một cách đúng đắn và nghiêm nhiên là bồi đắp cho HS lượng kiến thức ngôn ngữ, văn học, khả năng cảm thụ cái hay cái đẹp của ngôn từ, có khả năng lựa chọn và sử dụng ngôn từ trong giao tiếp.

Có thể định hình một số phương pháp dạy từ quan trọng, từ có giá trị nghệ thuật và một hệ thống từ.

2.2.3. Dạy từ quan trọng, từ "chia khóa", từ có giá trị nghệ thuật

Mỗi bài tập đọc đến với HS phải thực sự trở thành món ăn tinh thần quý giá, cần phải mang đến cho HS không chỉ những kiến thức cuộc sống mà còn cả thế giới xúc cảm, tình cảm say mê của tác giả với hiện thực đó. Những điều kiện ấy là cơ sở tốt cho việc đọc của HS. Điều này có thể thực hiện khi HS đã khám phá, cảm nhận được giá trị thẩm mĩ của từ trong văn bản.

Giải nghĩa từ quan trọng, từ có giá trị nghệ thuật trong bài "Nằm trong nhóm kĩ năng làm rõ nghĩa của từ". Đây là một bộ phận kĩ năng nằm trong nhóm kĩ năng then chốt của nhóm kĩ năng đọc hiểu (góp phần làm rõ nội dung văn bản và đích tác động của người viết gửi vào văn bản). Kĩ năng làm rõ nghĩa từ là một trong những kĩ năng có tầm quan trọng đặc biệt giúp HS nắm nghĩa của từ và là cơ sở để HS nắm nghĩa của câu trong văn bản từ đó nắm nội dung văn bản.

Các thao tác chủ yếu cần làm:

- Chọn và đánh dấu từ quan trọng.

- Tìm từ mới dựa vào việc tra cứu sách, vật thật... đoán nghĩa từ mới trên cơ sở biết nghĩa từ xung quanh.

- Tìm nghĩa mở rộng của từ: dựa vào việc tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa, so sánh tìm ra nét nghĩa đồng nhất và khác biệt về nghĩa của các từ đồng nghĩa...

Việc làm rõ nghĩa của các từ này dựa vào phương thức chuyển nghĩa của từ, khi cần có thể đặt câu với từ đó để xác định "nghĩa".

Giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS phát hiện và lựa chọn các từ quan trọng. Hệ hống câu hỏi sẽ kết hợp với tổ hợp bài tập để làm sáng tỏ nội dung của từ. Thông thường với mỗi bài, câu hỏi và bài tập được sắp xếp theo thứ tự các ý, nằm trong hướng dẫn từng ý từng đoạn. Việc giảng từ trong bài Tập đọc đòi

hỏi giáo viên bám sát những yêu cầu trên. Để đảm bảo tính logic, tính hệ thống của nội dung văn bản, giáo viên cần lựa chọn cách khai thác nghĩa của mỗi từ sao cho phù hợp với nội dung của bài và đối tượng HS.

Hiểu được từ “chìa khóa”, HS sẽ hiểu được nội dung cơ bản của văn bản. Ví dụ: hai từ “nắng mới” và “sáng ấm” trong hai câu thơ:

“Mẹ về như nắng mới

Sáng ấm cả gian nhà”

(Mẹ vắng nhà ngày bão -TV2)

HS cần hiểu đây là một từ *quan trọng* của bài nói lên hình ảnh người mẹ trong mối quan hệ gia đình gắn bó, yêu thương và cần thiết với các con và người chồng. HS cần chú ý không phải khai thác các từ “nắng mới” và “sáng ấm” theo nghĩa từ điển. Vẻ đẹp của các từ đó làm nên vẻ đẹp lung linh hình ảnh người mẹ trong gia đình.

Cách khai thác theo lối tư duy nghệ thuật sẽ làm cho cảm xúc thẩm mĩ của HS nảy sinh, gợi mở nguồn cảm hứng sáng tạo trong HS. Câu thơ “Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng” trong bài *Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ* (Tiếng Việt 4) thì từ “nghiêng” với một cách nói gợi cảm, tạo hình. Một giấc ngủ “nghiêng” trên lưng mẹ đang nhịp theo những nhịp chày giã gạo đã diễn tả được niềm thương cảm sâu xa của tác giả. Và câu thơ thật hay trong cách nói, cách nhìn độc đáo, nét riêng biệt của tác phẩm.

Dạy từ chính là giúp HS biết lựa chọn một từ, một ngữ, biết phản ánh hàm xúc, chính xác một tình huống, một hoàn cảnh của hiện thực trong một tập hợp từ ngữ có tương đồng với nó. Qua đó, giúp HS có kĩ năng dùng từ chính xác, cách đặt câu mẫu mực trong hệ thống văn bản.

Trong quá trình dạy từ, giáo viên cần giúp HS hiểu giá trị từ có liên quan mật thiết đến giá trị của văn bản chứ không phải trong thế đối lập với văn bản. Chỉ như vậy mới giúp HS hiểu được nghĩa của từ, hiểu được sự sáng tạo (vẻ đẹp của từ) cũng như tình cảm và thái độ tác giả khi lựa chọn từ trong văn bản. Có nghĩa rằng việc dạy từ “đắt” phải đi đến một kết quả cuối cùng là khẳng định không thể thay thế từ trong văn bản bằng bất cứ một từ nào khác.

Như vậy, tùy thuộc vào bài Tập đọc, có thể có những cách chọn từ khác nhau. Điều quan trọng là dạy phát hiện và hiểu nghĩa từ của HS làm cơ sở giúp HS hiểu giá trị văn bản. Sự đóng góp lớn lao về vẻ đẹp trong mỗi từ của văn bản đã tạo nên giá trị phản ánh, giá trị thẩm mĩ của tác phẩm. Vì vậy, việc dạy HS biết phát hiện ra từ và hiểu từ trong bài là một kĩ năng hết sức quan trọng của giờ tập đọc - góp phần nâng cao hiệu quả đọc hiểu.

2.2.4. Dạy từ đặt trong nhóm từ (một hệ thống từ)

Tùy thuộc vào đặc điểm của tác phẩm, chúng ta có một cách lựa chọn và dạy từ ngữ một cách hợp lí. Cho nên sẽ có nhiều bài tập đọc phải dạy từ trong một hệ thống cùng trường liên tưởng, nghĩa là phải dạy cả một trường từ theo nghĩa từ vựng ngữ nghĩa (tức hội tụ một số từ ngữ xung quanh một hình ảnh chủ đạo). Tìm hiểu được trường từ nghĩa là ta tìm hiểu được ý nghĩa chủ đạo từ sự cộng hưởng của các từ đã tạo nên giá trị hình ảnh nghệ thuật của bài.

Nhiều khi tác giả dùng từ thật cụ thể, thật chi tiết tạo nên bức tranh sinh động giúp ta có thể cảm nhận đầy đủ như chính ta đang sống nơi đó. Song nhiều khi từ ngữ chỉ là phương tiện gợi ra điều tác giả không muốn nói buộc ta phải lí giải lấy theo cách nhìn của mình. Đó chính là biện pháp dùng từ để gợi tiền giả định. Những tác phẩm như vậy buộc người nghe phải liên tưởng suy luận rất nhiều mới thấy được cái hay cái đẹp, cái tài hoa của người dùng từ. Nhưng chiều sâu của từ được phát hiện càng làm cho từ có nhiều ẩn hiện và đó chính là vẻ đẹp của cách dùng từ. Việc dạy từ phải đảm bảo tính thống nhất của một trường từ. Có thể hiện thực trong bài được phản ánh không phải là cái đích của bài học mà nhiều khi chỉ là hình ảnh mà từ đó nói lên ý tưởng của tác giả. Trong bài thơ *Sắc màu em yêu* (Tiếng Việt 5), tác giả nêu một số hình ảnh: từ cảnh thiên nhiên bao la rộng lớn đến những cảnh vật xung quanh ta (biển trời, núi rừng, cờ Tổ quốc) cho tới những con người thân yêu, gắn gũi với mỗi người (bà, chị, em bé), cả những cái nhỏ nhất (trang giấy, chiếc khăn, nét mực). Mỗi sự vật hiện tượng đều ứng với một sắc màu tượng trưng cho một điều gì đó trong tâm lí, tình cảm của mỗi người.

Nếu chỉ hiểu từ từng câu, từng ý rời rạc thì không thể thấy nội dung của bài. Cái quan trọng là HS phải hiểu các từ đó nói lên điều gì, điều gì tác giả gửi gắm vào bài văn, bài thơ. Hiểu được trường nghĩa của văn bản giúp HS phát hiện ra nghĩa bên trong của các văn bản nghệ thuật chứ không phải cái nghĩa biểu hiện.

Việc tìm đến sự có mặt của các từ không phải để giải nghĩa thuần túy mà cần xét đến giá trị đóng góp của từ trong việc bộc lộ nội dung văn bản.

Có một số bài do đặc điểm của văn bản đòi hỏi phải vận dụng kết hợp các phương pháp dạy từ ngữ trong giờ tập đọc. Mặc dù từ ngữ cũng được dạy theo một hệ thống song không chỉ là sự liệt kê chúng mà yêu cầu HS phải hiểu được ý nghĩa của từng từ. Kể cả các từ trừu tượng với sự liên tưởng phức tạp, sau đó mới là sự cộng hưởng nghĩa của bài từ ý nghĩa đó.

Cũng giống như dạy từng từ đơn lẻ, dạy một trường từ mang nét nghĩa liên tưởng ở chiều sâu sẽ giúp HS

hiểu bài tốt hơn. Điều quan trọng là HS phải phát hiện ra các từ và hiểu nghĩa của nó theo đúng văn cảnh. Và muốn hiểu một trường từ, HS phải đặt từ trong sự thống nhất hệ thống từ trong văn bản. Nếu ta cứ hiểu nghĩa riêng lẻ của từng từ thì từ chỉ có nghĩa “thông báo” chứ ta chưa tìm được giá trị đích thực của từ trong nội dung bài. Nếu như việc dạy từ quan trọng, từ đắt, nội dung của bài được bộc lộ ngay trên bản thân từ thì ở trường từ, bản thân từ chỉ là yếu tố nhỏ góp phần tạo nên ý nghĩa mà trường từ bộc lộ. Việc dạy nghĩa từ theo một trường từ chính là bước ta hướng dẫn HS có liên tưởng, phát huy ở HS trí tưởng tượng, tư duy lôgic.

3. Kết luận

Rèn luyện và hình thành kĩ năng phát hiện và nắm bắt được giá trị từ cho HS, nhất là HS tiểu học, lâu nay vẫn là ước mong của mỗi thầy, cô giáo khi đưa HS vào thế giới của ngôn từ môn Tiếng Việt. Ấy thế nhưng bên cạnh những mặt tích cực, đạt được, có một thực tế đang diễn ra: việc dạy đọc hiểu nói chung và dạy từ trong giờ Tập đọc nói riêng còn có không ít hạn chế. Đa số trong giờ Tập đọc giáo viên chưa chú ý hình thành cho HS thói quen phát hiện từ khó, từ HS không hiểu và giá trị bộc lộ nội dung văn bản qua các từ quan trọng mang nghĩa văn chương. Chính kĩ năng phát hiện từ và hiểu giá trị biểu

đạt của từ còn yếu dẫn đến việc hiểu nội dung văn bản còn mù mờ.

Bài viết đã bàn về nội dung và biện pháp dạy từ trong VBNT ở phân môn Tập đọc cho HS lớp tiểu học. Bài viết đưa ra một số biện pháp dạy từ giúp giáo viên lựa chọn và phát hiện ra từ nào cần dạy trong văn bản tập đọc. Đầu là từ khó hiểu, từ quan trọng và có giá trị nghệ thuật góp phần bộc lộ nội dung văn bản. Biết lựa chọn các hình thức câu hỏi, bài tập khác nhau ở phần hướng dẫn tìm hiểu bài để phát huy tính tích cực của HS. □

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đỗ Hữu Châu (1996), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
- [3]. Đỗ Hữu Châu (1986), *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, NXB KHXH.
- [4]. Lê Hữu Tình (1990), *Giáo trình phương pháp dạy học tiếng Việt tập II*, NXB Giáo dục Hà Nội.
- [5]. Lê Phương Nga (1994), *Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu cho HS tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, (10).
- [6]. Phan Thiều (1990), *Đọc và dạy đọc ở cấp I*, Tạp chí Giáo dục, (01).
- [7]. Phạm Toàn - Nguyễn Trường (1992), *Dạy đọc và học đọc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Some measures to teach words in art texts in learning to read for primary school students.

Dang Phan Quynh Dao

Thu Dau Mot University

Email: giaodpq@tdmu.edu.vn

Abstract: In the primary education program, learning to read is an important subject because it forms and develops the children's reading, comprehension, listening and writing skills. In order to learn well this subject, understanding meaning is a key issue that determines the ability to communicate in using words, making sentences, understanding text... especially art text. From that reason, our article focuses on a number of new methods of teaching words combining difficult word interpretation to help the teachers and students in teaching and learning reading subjects better, achieving the results set in education.

Keywords: Method of teaching words, learning to read, teaching methods.